

HÔN LỄ CỦA NGƯỜI CƠ TU HIỆN NAY

Trường hợp người Cơ Tu ở Aka, Thừa Thiên - Huế

VÕ THỊ TUYẾT NGÀ*
NGUYỄN TẤN KHANG**
ĐẶNG THÙY LIÊN***

Dưới góc độ khảo tả dân tộc học bài viết trình bày về hôn lễ truyền thống cũng như hôn lễ hiện nay của tộc người Cơ Tu ở thôn Aka, xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Nghiên cứu cho thấy, trong quá trình sống gần gũi với các tộc người khác, truyền thống hôn lễ của người Cơ Tu đã có những biến đổi bởi sự giao lưu tiếp biến văn hóa dưới nhiều góc độ. Song những nét đặc trưng truyền thống trong hôn lễ của người Cơ Tu vẫn được bảo lưu.

Từ khóa: lễ cưới truyền thống, giao lưu tiếp biến văn hóa, bản sắc tộc người, Cơ Tu, Thừa Thiên - Huế

Nhận bài ngày: 28/8/2019; đưa vào biên tập: 15/10/2019; phản biện: 30/10/2019; duyệt đăng: 10/4/2020

1. DẪN NHẬP

Là tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á (Môn-Khmer), người Cơ Tu có tiếng nói và văn hóa khá gần gũi với các tộc người Tà Ôi, Bru-Vân Kiều. Trước năm 1975, văn hóa của người Cơ Tu chỉ mới được nghiên cứu sơ khởi, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu. Sau

năm 1975 và gần nhất là vào những năm 1990 và những năm đầu thế kỷ XXI, các nhà khoa học ngành dân tộc học và nhân học đã thực hiện nhiều cuộc khảo sát. Hầu hết các cuộc khảo sát đều có chung nhận định về hình thức hôn nhân của các tộc người Bru-Vân Kiều, Tà Ôi, Xtiêng, Thái, Khơ-mú và Cơ Tu, đó là: (1) ngoại hôn, (2) vợ cư trú bên chồng, (3) hôn nhân theo hình thức dây chuyền, một chiều trên cơ sở hôn nhân con cô con cậu (con trai cô lấy con gái cậu), có từ 3 đơn vị

*, **, *** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

tham gia trở lên⁽¹⁾, khép kín hay không khép kín; có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng liên minh xã hội: liên minh trong hoạt động kinh tế, quân sự và đời sống xã hội (Phạm Văn Lợi, 2014: 221).

Ở nghiên cứu này chúng tôi thực hiện phương pháp điền dã dân tộc học khảo sát nhóm người Cơ Tu ở thôn Aka, xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông. Ngoài thông tin từ nguồn tài liệu thứ cấp, chúng tôi đã phỏng vấn sâu các cá nhân ở nhiều độ tuổi khác nhau (người lớn tuổi và những thanh thiếu niên) bao gồm cả nam và nữ. Những biến đổi từ quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa giữa cộng đồng người Cơ Tu và người Kinh, nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết giao lưu tiếp biến văn hóa (acculturation) để phân tích làm rõ.

Có rất nhiều khái niệm về văn hóa nhưng ở đây chúng tôi sử dụng khái niệm “văn hóa bao gồm những chuẩn mực, nằm ở bên trong lẫn biểu lộ ra bên ngoài, xác định hành vi ứng xử được tập nhiễm nhờ các biểu tượng... Hạt nhân cơ bản của văn hóa gồm các tư tưởng truyền thống (được hình thành trong lịch sử), đầu tiên là những tư tưởng có giá trị đặc biệt. Hệ thống văn hóa có thể được xem xét, một mặt như là kết quả của hoạt động người, mặt khác như là những sự điều chỉnh hoạt động đó” (dẫn theo Khoa Nhân học, 2016: 194 - Belik A.A, 2000: 14). Giao lưu tiếp biến văn hóa nảy sinh khi các dân tộc cùng chung sống với nhau trong một thời gian

nhất định, là quá trình và kết quả của sự tiếp xúc thường xuyên giữa hai hay một số nền văn hóa của các dân tộc, việc tiếp nhận văn hóa của mỗi dân tộc đều có sự chọn lọc, cải biên cho phù hợp với văn hóa của mình chứ không đơn thuần là sao chép, vay mượn.

Với bài viết này, chúng tôi hy vọng cung cấp thêm tư liệu về đời sống văn hóa của người Cơ Tu góp phần gợi mở các vấn đề chính sách liên quan đến đời sống của người Cơ Tu trong bối cảnh hiện nay.

2. LỄ TỤC CƯỚI HÔN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CƠ TU

Một trong những nghi lễ vòng đời quan trọng nhất của người Cơ Tu là hôn lễ. Hôn lễ được tiến hành theo các bước: lễ dạm hỏi, lễ cưới và lễ lại mặt. Các lễ này chứa đựng nhiều quan niệm, phong tục thể hiện đời sống tinh thần của người Cơ Tu.

Hôn nhân của người Cơ Tu phổ biến nhất là hình thức con trai cô lấy con gái cậu, vợ góa lấy anh hoặc em chồng quá cố. Đây là kiểu hôn nhân phù hợp với lương hợp hai thị tộc hay nói cách khác chính là hôn nhân liên minh thị tộc, duy trì hình thức dây chuyền, một chiều khép kín, trên cơ sở hôn nhân con cô con cậu một chiều (con trai cô lấy con gái cậu) (Phạm Văn Lợi, 2014).

- Tục ngủ duông

Thanh niên đến tuổi lập gia đình thì sẽ đi ngủ duông (lướt zưong). Khi tìm được người vừa ý, thanh niên nam nữ

Cơ Tu thực hiện ngũ duông, nhất là sau mùa thu hoạch. Đây là thời gian của lễ ăn mừng lúa mới và là dịp để người con trai làm nhà ngũ duông. “Nhà ngũ duông được làm ở nương rẫy hoặc ở bìa rừng, gọi là nhà nhưng thực chất đây là một chòi được làm bằng các vật liệu tạm bằng cây lá và nhà này được cả làng đều biết và được người Cơ Tu gọi là nhà ngũ duông” (dẫn theo Tạp chí *Quê hương*, 2011). Các đôi nam nữ có 3-5 đêm tìm hiểu nhau, hành động này mang tính công khai. Dù khá cởi mở trong việc này, nhưng luật tục hôn nhân của người Cơ Tu cấm “quan hệ tình dục bừa bãi”, “có thai trước”. Nếu vi phạm sẽ có những hình thức phạt như: giết heo, trâu, bò chia cho các gia đình trong làng; cả làng sẽ cùng ăn, hay phải đền bù cho nhà gái: ché, chiêng, đồ trang sức quý... hoặc phải chịu nợ truyền kiếp từ đời này sang đời khác và đôi khi bị cộng đồng ruồng bỏ không ai tiếp xúc với những con người phạm tục. Nam nữ Cơ Tu khi có quan hệ tình cảm với nhau đều luôn có ý thức giữ gìn, tôn trọng đạo đức. Tục ngũ duông ngày nay rất hiếm và cũng không dễ khôi phục lại, nhưng nó vẫn còn giá trị đối với đời sống hôn nhân của người Cơ Tu.

- Lễ dạm hỏi

Lễ dạm hỏi được xem là nghi lễ đầu tiên trong tục cưới hỏi. Người Cơ Tu sẽ tiến hành lễ chạm ngõ hay dạm hỏi (tục lệ dạm ngõ như người Kinh) và do người mai mối thực hiện. Sau lễ hỏi (lễ Ganoo) sẽ đến lễ cưới với

khoảng thời gian nhất định (thời gian dài hay ngắn) tùy gia đình hai bên quyết định. Bên cạnh đó, nếu già làng không xin phép được thần linh trong năm, thì lễ cưới đành phải đợi đến năm sau. Theo Lưu Hùng (2007: 198): “Việc dạm hỏi có thể được diễn đạt bằng khái niệm *krchô krham* (*krchô* là “cho đi con người”, *krham* là “máu”). Người ta quyết định cuộc hôn nhân một cách thận trọng trên cơ sở xem xét cả ý của người, cả ý của thần linh, thông qua lễ thức do họ thực hiện theo tập tục”. Nếu là hôn nhân con cô con cậu thì gia đình nhà trai phải làm lễ cho nhà gái - gọi là lễ Píc Plô với ý nghĩa “nhà trai đưa hết phần của cải mà gia đình mình hứa trong cuộc hôn nhân trước... dân làng tổ chức ăn uống linh đình và làm kiệu rước bố vợ” (Nguyễn Văn Dũng, 2016: 23).

- Lễ cưới (Pooi)

Lễ cưới thường được thực hiện vào những ngày trăng tròn, là ngày mà nhà trai mang lễ vật đến nhà gái để xin dâu và tục lệ đưa dâu về nhà chồng. Đám cưới của người Cơ Tu thường được tổ chức ở nhà trai 2 ngày, nếu gia đình khá giả hơn thì kéo dài 5 đến 7 ngày. Theo nghiên cứu của Trần Tấn Vịnh (2013: 101) thì tặng vật và các món ăn trong lễ cưới khá phức tạp: “Theo quy định của tập tục, nhà trai đãi nhà gái những con vật bốn chân: trâu, bò, heo... và thú rừng cũng bốn chân như kỳ đà, trút, trăn...; đồ kim loại và sành sứ: ché, chiêng, mã não, cườm, đồng hồ, đài, xe, tiền, vàng, xoong nồi, rựa rìu...;

đồ đan lát: nong, nia, cái gùi của con gái, chiếu mua từ đồng bằng lên...; cơm tẻ. Nhà gái mang sang nhà trai những con vật hai chân: gà, vịt, chim...; con cá, ếch...; đồ dệt, tấm chiếu và cái gối của người con gái đan từ dứa dại; đồ đan lát: cái gùi đàn ông; xôi nếp”.

Ngày cưới, nhà trai đến nhà gái đón cô dâu. Trước đó nhà gái đến “tiền trạm” nhà trai để chắc chắn ngày cưới, bàn về số lượng khách để nhà trai đón tiếp, bàn bạc và thỏa thuận chi tiết về việc tổ chức đám cưới, và đây cũng là “dịp xem xét tình hình nhà trai chuẩn bị ra sao” (Lưu Hùng, 2007: 201).

Điểm đặc biệt trong lễ cưới chính là mẹ chú rể sẽ bôi “tiết heo” lên trán của từng người trong họ hàng để chúc phúc cho bên thông gia mạnh khỏe, sống lâu. “Tiết heo” bôi trên trán mang thông điệp “Gia đình hai bên kể từ đây là một, cùng chia sẻ miếng cơm, manh áo, ngọt bùi, đắng cay...” (Đặng Khoa, 2014).

Gia đình hai bên dâng rượu cho thần linh nhằm thể hiện lòng biết ơn ông bà tổ tiên, sau đó chú rể mời rượu họ nhà gái. Nhà trai sẽ trao của hồi môn và các thành viên hai bên cùng nhau hát điệu lý, như lời dẫn vào việc trao của hồi môn cho cô dâu và chú rể. Đây chính là nét đặc trưng khá độc đáo của người Cơ Tu. Theo Lưu Hùng (2007: 201): “Hai bên trao đổi với nhau bằng hình thức ‘nói lý’ và ‘hát lý’ - tức là bằng lối nói hay hát, đối đáp nhau, trong đó dùng hình ảnh ví

von và phép ẩn dụ để diễn đạt ý thay cho lời nói thẳng như khi giao tiếp bình thường”.

Kế tiếp là nghi thức Dưng (lễ cảm tạ đất trời), cô dâu chú rể được phủ kín bằng một tấm lụa lớn, mẹ của cô dâu và mẹ chú rể khấn cầu thần linh, thần rừng, thần sông, thần núi, thần nương rẫy phù hộ cho đôi vợ chồng trẻ mạnh khỏe, sống hạnh phúc, sinh nhiều con, nhiều cháu, làm nhiều nương rẫy, bắt được nhiều thú rừng.

Tiếp theo là lễ đâm trâu mừng đám cưới. Đâm trâu để cầu khấn thần linh cho mùa màng bội thu, họ hàng, buôn làng mạnh khỏe, sống lâu, làm cây lúa được cây lúa, làm rẫy bắp được rẫy bắp, nuôi con heo, con trâu, con gà mau lớn, cầu cho mọi người, cho buôn làng không đói ăn, có nhiều của cải, người già được sống lâu, con trẻ sinh nhiều con, nhiều cái... Cha của chú rể làm phép giết trâu, sau đó một thanh niên khỏe mạnh trong làng thực hiện động tác đâm trâu. Thịt trâu sử dụng để cúng thần linh và đãi khách trong tiệc cưới. “Sáng hôm sau, ăn uống xong, mỗi bên sửa soạn một mâm cúng, với những lễ vật theo quy định của tập tục. Từng gia đình công bố cho mọi người biết cụ thể số của cải của mình trao cho thông gia, đồng thời dặn dò và nói lên lần nữa ước vọng hai con hạnh phúc, hai gia đình gắn bó với nhau bền vững” (Lưu Hùng, 2007: 205).

Sau lễ cưới, cả nhà trai và nhà gái đều phải đãi dân trong làng mình một bữa gọi là “nuôi lại” vì làng đã giúp đỡ

họ trong việc cưới xin vừa qua. Với nhà gái, số thịt mà họ đem về từ nhà trai được dùng cho bữa tiệc này.

- Lễ lại mặt

Lễ lại mặt được tổ chức sau lễ cưới 3 ngày tại nhà gái. Đây là lễ bố mẹ vợ mời con rể và con gái về thăm lại nhà, đồng thời là dịp họ nhà gái đòi tiếp những đồ sính lễ mà trong ngày cưới họ nhà trai đưa chưa đủ. 6 ngày sau hai gia đình sẽ tổ chức lễ “mở đường” ở nhà trai nhằm nhắc nhở, khẳng định lại mối quan hệ thông gia: “nghĩa vụ thăm hỏi khi lễ tết, trách nhiệm giúp đỡ khi khó khăn. Cưới xong, cô gái về sống với bố mẹ đẻ, sau một năm mới trở lại nhà chồng và sống trọn đời” (Trần Tấn Vịnh, 2013: 102).

3. LỄ TỤC CƯỚI HÔI CỦA NGƯỜI CƠ TU HIỆN NAY

Theo số liệu điều tra dân số 2009, có 61.588 người Cơ Tu phân bố tập trung ở tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng và TP HCM. Người Cơ Tu ở Thừa Thiên - Huế sinh sống chủ yếu tại huyện Phú Lộc và huyện A Lưới, một bộ phận còn lại sống ở huyện Nam Đông. Riêng xã Thượng Quảng người Cơ Tu chiếm khoảng 10% số dân tại huyện Nam Đông và

đến cư trú tại đây sau năm 1975. Địa bàn sinh sống trước đây chính là khu vực thuộc dãy núi Bạch Mã và từ Quảng Nam di cư sang.

Trước việc di cư xuống sinh sống gần với người Kinh hơn, tộc người Cơ Tu đã không tránh khỏi việc giao lưu và tiếp biến văn hóa, điều này dẫn tới các nghi lễ truyền thống trong hôn lễ của người Cơ Tu đã biến đổi.

Để hiểu về cuộc sống của tộc người Cơ Tu, đặc biệt là các nghi thức trong hôn lễ ngày nay, chúng tôi đã thực hiện điền dã tại xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông từ ngày 11 đến 14/7/2018.

Các cuộc phỏng vấn tập trung các cá nhân được tiến hành tại thôn A Ka, xã Thượng Quảng vào ngày 13/7/2018 - ngày cư dân trong thôn tập trung hoàn thành việc tái dựng nhà Gươl trong một dự án kết hợp tài trợ giữa Việt Nam và Nhật Bản (Bảng 1).

Thông qua phỏng vấn chúng tôi nhận thấy, cũng như nhiều dân tộc khác, hôn lễ của người Cơ Tu được xem là một trong những lễ nghi quan trọng. Nhưng khác với trước đây, hôn nhân của người trẻ thể hiện qua sự chủ động tìm hiểu và mong muốn kết hôn

Bảng 1. Danh sách những người được phỏng vấn sâu tại thôn A Ka

STT	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Ghi chú
1	H.V.B (1)	Nam	Hơn 60 tuổi	Làm nông	Nhân vật không nhớ tuổi chính xác
2	V.Đ.H	Nam	Hơn 60 tuổi	Làm nông	Nhân vật không nhớ tuổi chính xác
3	H.V.B (2)	Nam	Hơn 60 tuổi	Làm nông	Nhân vật không nhớ tuổi chính xác
4	N.T.H	Nữ	43 tuổi	Làm nông, nội trợ	
5	H.T.L	Nữ	21 tuổi	Làm nông, nội trợ	Cô dâu vừa cưới
6	H.T.T	Nữ	Hơn 50 tuổi	Làm nông, nội trợ	Nhân vật không nhớ tuổi chính xác

của người con trai Cơ Tu. Bên cạnh đó, nhiều nghi thức truyền thống vẫn còn được lưu giữ.

Để tiến tới hôn nhân với một cô gái Cơ Tu, người con trai Cơ Tu nói chuyện với cha mẹ mình và sau đó đến nhà cô gái thưa chuyện với cha mẹ cô gái. Nếu cha mẹ cô gái không mở cửa tức là không đồng ý gả cô gái cho chàng trai. Nếu mở cửa cho vào thì coi như đồng ý cho chàng trai bắt đầu thời gian thử thách.

Thời gian thử thách thường kéo dài từ 3 đến 4 tháng, lâu nhất là một năm. Trong thời gian thử thách, chàng trai phải hết lòng phụ giúp công việc cho nhà cô gái, như: làm ruộng, chăn nuôi gia súc... Dựa trên công việc mà chàng trai thực hiện, cha mẹ cô gái và cả cô gái xem xét quyết định sẽ tiến hành lễ cưới hay không? Qua lao động của chàng trai, cha mẹ cô gái đánh giá về sức vóc, tính dũng cảm và kinh nghiệm trong lao động. Đây chính là tiêu chuẩn dành cho một chàng trai Cơ Tu đến tuổi trưởng thành đi lấy vợ.

Thời gian này cũng là dịp để cô gái xem lại tình cảm của mình dành cho chàng trai xem có ưng ý và phát sinh tình cảm hay không. Ít có trường hợp từ chối lễ cưới sau thời gian thử thách (vì thường đã biết nhau trước đó). Chưa hết thử thách mà bỏ về thì xem như từ chối không cưới nữa (Phòng vấn H.V.B, V.Đ.H). Hết thời gian thử thách và nhận được sự đồng ý của nhà gái thì chàng trai sẽ mời cha mẹ mình sang cưới cô gái đó.

Theo lời kể của các nhân vật được phỏng vấn, thời gian thử thách diễn ra trước khi có sự dạm hỏi từ nhà trai đối với nhà gái. H.V.B cho biết, kinh tế của người Cơ Tu chủ yếu là đi rừng và làm nông cho nên cần đến thời gian thử thách để nhà gái đánh giá được sức vóc và khả năng lao động để làm ra cái ăn nuôi sống gia đình. Đồng thời họ có thể thấy được sự mong muốn thật sự của chàng trai đối với cô gái mình muốn cưới làm vợ.

Chúng tôi chưa thấy các tài liệu nghiên cứu về luật tục, hôn nhân của người Cơ Tu mô tả về thời gian thử thách này. Phải chăng đây là một hình thức thử thách xuất hiện sau khi người Cơ Tu sống định cư gần đồng bằng. Việc sống định cư đòi hỏi phải lao động tại chỗ như làm ruộng, chăn nuôi nhiều hơn là đi săn như khi còn ở rừng cho nên việc thử thách chàng trai để xem xét các vấn đề đã nêu ở trên như một yếu tố quan trọng cho việc đảm bảo ổn định kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đây chỉ là suy luận của chúng tôi và rất cần nhiều đợt điền dã sau này để có kết luận chính xác.

Từ chủ động tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân của thanh niên người Cơ Tu hiện nay có thay đổi so với truyền thống. Điều này dễ thấy nhất qua vai trò của người “mai mối” dần bị hạn chế và họ chỉ còn xuất hiện trong lời kể lại của người lớn tuổi. Thậm chí, việc thách cưới trước đây là gánh nặng cho gia đình của người con trai cũng đã được giản lược. Hai gia đình

tập trung vào tác hợp và chúc mừng đôi vợ chồng trẻ.

Trước đây, sau khi đi ngủ duông và cảm thấy có thể tiến tới hôn nhân thì chàng trai về thông báo với cha mẹ để tìm người mai mối, người này đóng vai trò như người đại diện cho gia đình nhà trai để đến dạm hỏi và thương lượng sính lễ mà nhà gái thách cưới. Hiện nay thì khác, một số phụ nữ trẻ đã lập gia đình ở thôn Aka cho biết: họ không cần người mai mối giữa hai gia đình, bởi vì nhà gái cũng không còn thách cưới nhiều như trước, hai gia đình có thể tự thương lượng và sắp xếp việc cưới xin (dĩ nhiên phải xin phép trưởng làng). Việc này dẫn tới sự xuất hiện của người mai mối trong tiến trình đi tới quan hệ hôn nhân của đôi trẻ và quan hệ thông gia giữa hai gia đình không còn thường xuyên. Đó là lý do vì sao vai trò của người mai mối dần mất đi.

Quan niệm trong hôn nhân của người Cơ Tu đã thay đổi, thể hiện trong việc thanh niên tự do tìm hiểu - như người Kinh. Hiện nay tục ngủ duông không còn phổ biến trong các cặp nam nữ trẻ đến tuổi lập gia đình. Tuy nhiên, việc tôn trọng luật tục không có thai trước hôn nhân vẫn được cộng đồng giữ gìn nghiêm ngặt.

Lễ dạm hỏi: Đến ngày đã được định trước thì nhà trai chuẩn bị lễ vật để mang sang nhà gái theo luật tục. Lễ vật thường là các con vật như heo, bò, trâu và một số đồ dùng như chén, đĩa, thau, vàng, mơ-nao, rượu trắng.

Sau đó ba ngày nhà gái cũng chuẩn bị của hồi môn cho cô dâu là các con vật như gà, vịt, xôi, gạo, vài truyền thống, rượu, bia... (Lưu Hùng, 1995: 51). Ngoài ra, tiền, vàng cũng là một sính lễ hay của hồi môn được cộng đồng người Cơ Tu trao cho cô dâu và chú rể trong các lễ dạm hỏi hiện nay.

Lễ cưới: Sau lễ dạm hỏi, ra mắt hai bên gia đình làm tiệc mời dân làng. Sau khi các lễ vật đã được trao xong, đến ngày cưới (đã được định trước) nhà gái tổ chức đưa cô dâu sang nhà trai làm lễ. Nhà trai tổ chức giết heo đãi nhà gái suốt một ngày hôm đó. Cũng trong ngày cưới bên nhà trai sẽ cho cô dâu vàng giống như người Kinh còn nhà gái cho cô dâu những tấm vải truyền thống khổ lớn (Phỏng vấn H.T.L, 21 tuổi).

Ngoài ra, về tổ chức tiệc cưới và trang phục của cô dâu chú rể trong bữa tiệc mời bạn bè của cô dâu chú rể cũng tương tự như lễ cưới của người Kinh. Ở thôn Aka, người đến dự tiệc cưới cũng đem theo quà hoặc tiền mừng cưới. Trang phục của cô dâu chú rể là áo sơ mi, quần tây, veston, xoa-rê. Riêng buổi tiệc đãi làng theo truyền thống được tổ chức tại nhà Gươl hoặc tại nhà của chú rể vào ngày sau đó⁽²⁾. Theo luật tục thì tất cả người trong làng của nhà trai cùng đến dự tiệc, còn bên nhà gái, nếu ở khác làng thì chỉ người trong nội bộ nhà gái đến dự tiệc. Trong buổi tiệc đãi làng, cô dâu và chú rể mặc trang phục truyền thống, những người đến dự có thể mặc trang phục truyền thống, có thể không.

Sau tiệc đãi làng, cô dâu và chú rể vẫn chưa được sống chung, chưa được ngủ chung với nhau. Họ được sống chung và ngủ chung sau khi nhà trai giết một con vật như trâu, bò hoặc heo còn nhà gái giết một con vật như gà hoặc vịt để cúng tế thần linh, báo cho thần linh biết hai người này đã là vợ chồng và được sống cùng nhau (Phỏng vấn sâu H.V.B, V.Đ.H, H.V.B, N.T.H).

Lễ lại mặt: Các thủ tục trong lễ lại mặt vẫn được duy trì theo luật tục. Tuy

nhiên, hiện nay có điểm khác trước, sau khi kết thúc lễ lại mặt, cô dâu sẽ về nhà chồng của mình sống và phục vụ cho bên nhà chồng (Phỏng vấn N.T.H, 43 tuổi).

Giống như nhiều tộc người khác, hôn nhân là nghi lễ quan trọng của đời người, nên người Cơ Tu luôn thực hiện nếp sống một vợ một chồng. Các con sinh ra lấy họ cha và họ có quan niệm là “Mẹ đẻ nhưng cha sinh ra!” (N.T.H, 43 tuổi). Sau khi chồng mất thì người vợ sống cùng với con cái hoặc

Bảng 2. So sánh một số yếu tố biến đổi trong lễ cưới của người Cơ Tu tại thôn Aka

STT	Nội dung so sánh	Hôn lễ truyền thống	Hôn lễ hiện nay tại thôn Aka
1	Cách thức tìm hiểu	Tìm hiểu trước qua tục ngủ duông	Trai gái được tự do tìm hiểu, chàng trai ưng thì đến nhà cô gái xin ở để làm công Tục ngủ duông dần mờ nhạt
2	Lễ ăn hỏi	Vai trò của người mai mối rõ rệt Thách cưới rất lớn	Vai trò của người mai mối mờ nhạt, đôi khi không có người mai mối Thách cưới không còn nhiều nữa mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế gia đình hai bên
3	Thời gian diễn ra lễ cưới	Thường diễn ra hơn 2 ngày, đối với nhà giàu có thể kéo dài cả tuần	Một ngày đãi khách như người Kinh, một ngày tổ chức theo truyền thống
4	Lễ vật cưới	Lễ vật theo truyền thống: heo, bò, trâu, gà, vịt, chim, đồ sinh hoạt gia đình, rượu, vải...	Một số lễ vật theo truyền thống nhưng xuất hiện vòng, nhẫn, bông tai vàng như người Kinh
5	Trang phục cưới của cô dâu, chú rể	Trang phục truyền thống	Vừa có trang phục truyền thống vừa mặc âu phục như người Kinh
6	Trang phục khách dự cưới	Trang phục truyền thống	Vừa có trang phục truyền thống vừa mặc âu phục như người Kinh
7	Ăn uống	Các món ăn truyền thống, rượu tự làm	Các món ăn truyền thống, rượu tự làm nhưng xuất hiện thêm các món ăn giống người Kinh, rượu, bia, nước ngọt mua của người Kinh
8	Quà, tiền mừng cưới của khách	Không có	Đi quà hay tiền như người Kinh

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nguồn tài liệu và phỏng vấn sâu năm 2018.

có quyền tái giá với người khác nhưng phải sau khi làm lễ Ateng Ping cho chồng.

Đời sống văn hóa của người Cơ Tu đã có nhiều thay đổi, biến đổi nhờ sự giao lưu tiếp biến văn hóa với các tộc người cộng cư, trong đó ảnh hưởng rõ nét nhất là với người Kinh. Lễ nghi vòng đời của người Cơ Tu không nằm ngoài tiến trình đó. Những biến đổi trên tác động đến hôn lễ của người Cơ Tu về hình thức biểu hiện hay cả hình thức tổ chức đám cưới theo người Kinh. Tuy nhiên, những yếu tố mang tính truyền thống của tộc người vẫn được duy trì, mang đậm dấu ấn văn hóa của tộc người Cơ Tu (Bảng 2).

4. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về nghi lễ cưới hỏi của người Cơ Tu hiện nay chúng tôi nhận thấy rằng tất cả sự thay đổi đều mang tính hai mặt. Việc tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa của tộc người khác giúp cho các nghi thức cưới hỏi của người Cơ Tu được đơn giản và

thuận tiện hơn về lễ vật cưới, thời gian thách cưới. Đặc biệt, nam - nữ Cơ Tu được tự do tìm hiểu mang đến cuộc sống hôn nhân tốt đẹp hơn so với thông qua mai mối trước đây. Tuy nhiên, sự thay đổi những nét đẹp văn hóa của người Cơ Tu về trang phục cưới và món ăn truyền thống hay vật chất hóa, giá trị hóa những sinh lễ thành tiền, vàng... cũng đang dần làm mờ nhạt bản sắc văn hóa Cơ Tu.

Trước làn sóng hội nhập và giao lưu tiếp biến văn hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay, việc bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của mỗi tộc người trên đất nước Việt Nam là một thách thức lớn đối với chính mỗi tộc người cũng như đối với các nhà nghiên cứu và nhà quản lý. Làm thế nào để phát huy được nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một câu hỏi lớn, cần sự chung tay góp sức của nhiều người trong việc bảo lưu những vốn văn hóa truyền thống của các cộng đồng tộc người. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Ở đây, tác giả Phạm Văn Lợi dùng cụm “có từ 3 đơn vị tham gia trở lên” để chỉ hình thái hôn nhân “liên minh ba thị tộc”.

⁽²⁾ Theo truyền thống lễ cưới sẽ tổ chức tại nhà Gươl nhưng hiện nay một số làng của người Cơ Tu không còn nhà Gươl do điều kiện kinh tế không đủ để phục dựng. Thôn Aka ở thời điểm chúng tôi điền dã cũng chỉ mới được Nhật Bản tài trợ để xây nhà Gươl mới. Chính vì vậy mà lễ cưới có khi tổ chức ở nhà chú rể.

⁽³⁾ Do trong quá trình phỏng vấn trên nhà Gươl có một số nhân vật ra vào liên tục do công việc cá nhân nên chúng tôi chỉ xem họ là nguồn thông tin tham khảo bổ sung cho các nhân vật được phỏng vấn xuyên suốt đã kể trên.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đăng Khoa. 2014. “Đi xem đám cưới người Cơ Tu”, <https://thethaovanhoa.vn/gallery/xa-hoi/di-xem-dam-cuoi-nguoi-co-tu-n20140731104116938.htm#ad-image-0>, truy cập ngày 4/9/2018.
2. Khoa Nhân học. 2006. “Nhân học đại cương”, tr. 194. Tài liệu gốc: Belik A.A. 2000. “Văn hóa học, Những lý thuyết nhân học văn hóa”. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, tr. 14.
3. Lưu Hùng. 1995. “Tìm hiểu thêm về tập tục hôn nhân của người Cơ-tu”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2-1995, tr. 45-52.
4. Lưu Hùng. 2007. *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Văn Dũng. 2016. “Các nghi lễ chu kỳ vòng đời của người Cơ Tu”. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 385, tháng 7/2016, <https://vanhien.vn/news/cac-nghi-le-chu-ky-vong-doi-cua-nguoi-co-tu-46695>, truy cập ngày 25/6/2019.
6. Phạm Văn Lợi. 2014. “Hôn nhân ‘Liên minh không đối xứng’ ở người Bru-Vân Kiều (thôn Tà Rùng, xã Húc, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị)”, in trong *25 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
7. *Tạp chí Quê hương*. 2011. “Tục ngữ duông độc đáo của người Cơ Tu”, <http://quehuongonline.vn/tu-dien-van-hoa/tuc-ngu-duong-doc-dao-cua-nguoi-co-tu-23632.htm>, truy cập ngày 5/9/2018.
8. Trần Tấn Vĩnh. 2013. *Bức tranh văn hóa tộc người Cơ Tu*. Hà Nội: Nxb. Thời đại.